BVBank
Ngân hàng Bản Việt

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN QUỸ
Dành cho Khách hàng cá nhân
Hiệu lực áp dụng từ ngày 09/11/2026

	Khoản mục phí	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)
I	**ĐỔI TIỀN**	
1	**Đổi tiền VND không đủ tiêu chuẩn lưu thông**	Miễn phí
2	**Đổi tiền mặt ngoại tệ**	
2.1	Đổi tiền có mệnh giá nhỏ lấy tiền có mệnh giá lớn hơn	2%/số tiền đổi Min: 2 USD
2.2	Đổi tiền có mệnh giá lớn lấy tiền có mệnh giá nhỏ hơn	Miễn phí
2.3	Đổi tiền ngoại tệ không đủ tiêu chuẩn lưu thông (không do nguyên nhân phá hoại)	4%/ số tiền đổi Min: 2 USD
2.4	Thu đổi ngoại tệ tiền mặt lấy VND	Miễn phí
II	**KIỂM ĐẾM HỘ**	
1	**Kiểm đếm hộ VND**	
1.1	Kiểm đếm hộ KH tại quầy giao dịch	- Loại tiền từ 10.000 VND trở lên: 0,03%/số tiền kiểm đếm Min: 20.000VND - Loại tiền từ 5.000 VND trở xuống: 0,03%/số tiền kiểm đếm Min: 20.000VND Max: 2.000.000VND
1.2	Kiểm đếm hộ KH tại nơi KH yêu cầu	- Bán kính ≤ 10km: 0,1%/tổng giá trị/lần. Min: 500.000VND. (Tổng số tiền kiểm đếm tối thiểu 500.000.000VND). - Bán tính từ 10km> đến ≤ 20km: 0,12%/tổng giá trị/lần. Min: 1.200.000VND. (Tổng số tiền kiểm đếm tối thiểu trên 1.000.000.000VND). - Bán kính ≥ 20km: Theo thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức phí ≤ 20km.
2	**Kiểm đếm hộ ngoại tệ**	
2.1	Kiểm đếm hộ KH tại quầy giao dịch	
a	USD, EUR	0.2%/số tiền kiểm đếm Min: 3USD/EUR
b	Ngoại tệ khác	0.3%/số tiền kiểm đếm Min: 3USD/EUR/ngoại tệ khác tương đương
2.2	Kiểm đếm hộ KH tại nơi KH yêu cầu	
a	USD, EUR	- Bán kính ≤ 10km: 0,4%/số tiền kiểm đếm. Min: 20 USD/EUR/ngoại tệ tương dương - Bán tính từ 10km > đến ≤ 20km: 0,6%/số tiền kiểm đếm Min: 30 USD/EUR/ngoại tệ tương đương - Bán kính ≥ 20km: Theo thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức phí ≤ 20km.
b	Ngoại tệ khác	
3	**Kiểm định hộ ngoại tệ**	
3.1	Kiểm đếm hộ KH tại quầy giao dịch	0,20 USD/tờ Min: 2 USD
3.2	Kiểm định hộ KH tại nơi KH yêu cầu	Theo thỏa thuận: Min: 15 USD/lần
III	**GIẤY XÁC NHẬN MANG NGOẠI TỆ TIỀN MẶT RA NƯỚC NGOÀI**	
	Giấy xác nhận mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài	0.15%/ giá trị giấy xác nhận Min: 300.000VND Max: 2.000.000VND
IV	**LƯU GIỮ QUẢN LÝ TÀI SẢN**	
1	**Giữ hộ tiền (Không bao gồm phí kiểm đếm. Khách hàng trong thời gian gửi không được rút bớt 01 phần. Niêm phong nguyên bao theo giá trị kê khai)**	0,05%/tổng giá trị giữ hộ/tháng Min: 50.000 VND/tháng
2	**Giữ hộ tài liệu**	Theo thỏa thuận. Min: 500.000 VND/hợp đồng/tháng Max: 5.000.000 VND/hợp đồng/tháng

	Khoản mục phí	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)
3	**Giữ hộ tài liệu giấy tờ sở hữu**	250.000 VND/tháng
V	**THU HỘ TIỀN MẶT TẠI NƠI KH YÊU CẦU**	- Bán kính ≤ 10km: 0,1%/tổng giá trị/lần Min: 500.000VND (Tổng số tiền thu hoặc chi hộ tối thiểu 500.000.000VND) - Bán tính từ 10km> đến≤ 20km: 0,12%/tổng giá trị/lần Min: 1.200.000VND (Tổng số tiền thu thu hoặc chi hộ tối thiểu trên 1.000.000.000VND) - Bán kính ≥ 20km: Theo thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức phí ≤ 20km.
VI	**CHI HỘ TIỀN MẶT TẠI NƠI KH YÊU CẦU**	
VII	**PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN ĐẢM BẢO**	
1	**Thay đổi tài sản đảm bảo**	
1.1	Thay đổi tài sản đang thế chấp thành GTCG do chính BVBank phát hành	Theo thỏa thuận. Min: 200.000 VND/tài sản
1.2	Thay đổi tài sản đang thế chấp thành bất động sản (bao gồm trường hợp đổi bất động sản đang thế chấp thành bất động sản khác)	Theo thỏa thuận: Min: 300.000 VND/tài sản Max: 5.000.000 VND/tài sản
1.3	Thay đổi tài sản đang thế chấp thành GTCG do TCTD khác phát hành	Theo thỏa thuận: Min: 1.000.000 VND/tài sản Max: 5.000.000 VND/tài sản
1.4	Thay đổi tài sản đang thế chấp thành tài sản khác với mục 1.1, 1.2, 1.3	Theo thỏa thuận: Min: 1.000.000 VND/tài sản Max: 5.000.000 VND/tài sản
2	**Quản lý tài sản đảm bảo**	
2.1	Cấp bản sao giấy tờ đảm bảo theo yêu cầu (không bao gồm phí công chứng)	
a	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe	Theo thỏa thuận: Min: 200.000VND/bản/lần Max: 500.000VND/bản/lần CPN: 500.000VND/bản/lần
b	Bản sao giấy tờ khác	Theo thỏa thuận: Min: 300.000 VND/bản/lần Max: 500.000 VND/bản/lần CPN: 500.000VND/bản/lần
2.2	Mượn hồ sơ TSĐB	Miễn phí
a	GTCG do BVBank phát hành	Theo thỏa thuận: Min: 100.000 VND/tài sản Max 1.000.000 VND/tài sản
b	STK do TCTD khác phát hành	Theo thỏa thuận: Min: 150.000 VND/tài sản Max 1.000.000 VND/tài sản
c	Tài sản khác	Theo thỏa thuận: Min: 300.000 VND/tài sản Max 1.000.000 VND/tài sản
3	**Ngân hàng xác nhận bằng văn bản**	
3.1	Giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu Bất động sản (bản chính) tại BVBank	200.000VND/lần CPN: 300.000VND/lần
3.2	Chấp thuận cho sửa chữa nhà đang thế chấp tại BVBank hoặc xây dựng nhà trên Bất động sản đang thế	200.000 VND/lần CPN: 300.000 VND/lần
3.3	Chấp thuận cho thuê nhà đang thế chấp tại BVBank	200.000 VND/lần CPN: 300.000 VND/lần
3.4	Các văn bản khác	200.000 VND/lần CPN: 300.000 VND/lần
VIII	**DỊCH VỤ KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG**	Theo thỏa thuận